TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-PT
Ngày 29/05/2018
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
-Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Hoàng Anh
Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm
Ông Đoàn Ngọc Thiện

-Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Na- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Vũ Trí Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLPT–HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2018, về việc tranh chấp Ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2018; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quy Kim N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 141/80, khu phố 2, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng (Có mặt)

+Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc Hoàng, luật sư đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn bà Quy Kim N trình bày: Năm 2007, bà N và ông Lê Văn A yêu nhau tự nguyện, đến ngày 7/5/2008 tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tỉnh Đồng Nai với gia đình bà N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, không có tiếng nói chung, ông A không có trách nhiệm với gia đình luôn ăn chơi không lo làm ăn. Mặc dù bà N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Ánh không sửa đổi. Cuộc sống vợ chồng luôn cãi vã xúc phạm nhau. Năm 2014, ông A bỏ về xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống cùng với gia đình bố mẹ ông A và sống ly thân với bà N cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Ngọc yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với ông A.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Thanh Phúc, sinh ngày 17/3/2009 và Lê Bảo Nhi, sinh ngày 25/3/2012. Từ khi ly thân đến nay, bà N trực tiếp nuôi cả hai con. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai bị đơn ông Lê Văn A trình bày: Năm 2007 ông A và bà N tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn ngày 07/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng về sống chung với gia đình bà N tại tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó ông A và gia đình bà N không hợp nhau, nên xảy ra va chạm, tuy nhiên bà N không có thông cảm cho ông A. Từ những nguyên nhân đó nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn tới cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường cãi vã xúc phạm nhau. Từ ngày 14/9/2014, ông A chuyển về tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống, cũng từ thời gian này ông A và bà N sống ly thân.

Nay bà N xin ly hôn thì ông A không đồng ý, vì ông A còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Thanh Phúc, sinh ngày 17/3/2009 và Lê Bảo Nhi, sinh ngày 25/3/2012, hiện nay cả hai con đang sinh sống với bà Ngọc, bà N làm công nhân thu nhập khoảng 8 triệu, còn ông A làm ngoài thu nhập không ổn định.

Nếu ly hôn, ông muốn trực tiếp nuôi con Lê Thanh Phúc, trong trường hợp cháu Phúc muốn sống với mẹ thì ông cũng đồng ý giao hai con cho bà N nuôi, nhưng ông A không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/HNGĐ ngày 05/ 02/2018 *của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tuyên xử:*

Bà Quy Kim N được ly hôn với ông Lê Văn A. Bà Quy Kim N được trực tiếp nuôi cả hai con chung là Lê Thanh Phúc, sinh ngày 17/3/2009 và Lê Bảo Nhi, sinh ngày 25/3/2012. Ông Ánh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn A được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết Tòa án có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/02/2018, bị đơn ông Lê Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do ông A không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Quy Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Luật sư phát biểu ý kiến: Bà N và ông A tự nguyện thương yêu và kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hạnh phúc, sau này do mâu thuẫn giữa ông A với bên phía gia đình bà N, nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Ông A và bà N còn thương yêu nhau và không có mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Về nội dung kháng cáo, nhận thấy: Vợ chồng ông Lê Văn A và bà Quy Kim N sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2014, mục đích hôn nhân không đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Văn A:

Đơn kháng cáo của ông Lê Văn A trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử Phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm số 12/HNGĐ-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Lê Văn A: "...Ông Lê Văn A không đồng ý ly hôn, với lý do còn thương yêu vợ con..."

Hội đồng xét xử thấy:

Bà Quy Kim N và ông Lê Văn A tự nguyện yêu nhau từ năm 2007, đến năm 2008 tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49KH, ngày 07/5/2008. Sau khi cưới nhau, thời gian đầu vợ chồng ông A và bà N sống hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông A không có trách nhiệm với vợ con và gia đình bên vợ, Vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Từ năm 2014 cho đến nay ông A và bà N sống ly thân mỗi người một nơi, ông A về sinh sống tại tỉnh Bà Rịa-Vũng

Tàu, còn bà N sinh sống tại tỉnh Đồng Nai, không quan tâm đến nhau, do đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, bà Ngọc làm đơn xin ly hôn với ông A là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ngọc được ly hôn với ông Lê Văn A.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà N và ông A sinh được hai người con chung là Lê Thanh Phúc, sinh ngày 17/3/2009 và cháu Lê Bảo Nhi, sinh ngày 25/03/2012. Cả hai con có nguyện vọng ở với bà N, từ ngày vợ chồng ly thân hai con đều ở với bà Ngọc, được bà N chăm sóc cho ăn học đầy đủ và phát triển tốt, hiện nay bà N có việc làm ổn định thu nhập đủ nuôi hai con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi hai con. Hiện tại ông A không có việc làm ổn định. Do đó cần giao cả hai con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng để các cháu không bị xáo trộn cuộc sống, có cuộc sống ổn định được ăn học đầy đủ và phát triển bình thường.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Quy Kim Ngọc phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

[4] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của ông Lê Văn A không được Tòa án chấp, nên ông A phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ bác kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bác kháng cáo của ông Lê Văn A. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, như sau:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quy Kim N đối với ông Lê Văn A.

+Về hôn nhân: Bà Quy Kim N được ly hôn với ông Lê Văn A.

+Về con chung: Có hai con chung là Lê Thanh Phúc, sinh ngày 17/3/2009 và Lê Bảo Nhi, sinh ngày 25/3/2012.

Bà Quy Kim N được trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn A được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con Tòa án có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Quy Kim N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004731 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Bà Quy Kim N đã nộp đủ án phí.

2.Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

Ông Lê Văn A phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000657 ngày 05/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông A đã nộp đủ án phí.

3.Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 29/05/2018.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh BRVT;
-TAND H.T
- VKSND H.T;
- Chi cục THADS H.T;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hoàng Anh